TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh.
2. Ông Lương Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 348/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh H; tạm trú: Đường số 18, Tổ 24, Khu phố 6, phường T, thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh B; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Kiên Oanh N, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: Ấp C X, xã T, huyện C, tỉnh T; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị H trình bày:

Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, bà Phạm Thị H và ông Kiên Oanh N tiến đến hôn nhân. Bà H và ông N đăng ký kết hôn ngày 21/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà Phạm Thị H và ông Kiên Oanh N chung sống hạnh phúc. Khoảng từ năm 2016, vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà H xác định không

còn tình cảm với ông N và không còn sống chung với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Kiên Oanh N.

Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Kiên Oanh N có 01 con chung tên Kiên Thị Yến N, sinh ngày 21/7/2008. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Kiên Oanh N có văn bản trình bày:

Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, ông Kiên Oanh N và bà Phạm Thị H tiến đến hôn nhân. Ông N và bà H đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc.

Sau đó, giữa ông Kiên Oanh N và bà Phạm Thị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông N xác định không còn tình cảm với bà H. Bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Kiên Oanh N. Do ông N không còn tình cảm với bà H nên ông N đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Kiên Oanh N và bà Phạm Thị H có 01 con chung tên Kiên Thị Yến N, sinh ngày 21/7/2008. Ông N yêu cầu giao con chung cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Kiên Oanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phạm Thị H được ly hôn ông Kiên Oanh N.

Về con chung: Giao con chung tên Kiên Thị Yến N, sinh ngày 21/7/2008 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Ông Kiên Oanh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Kiên Oanh N không tranh chấp nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị H yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với ông Kiên Oanh N, đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bà Phạm Thị H cư trú tại đường số 18, Tổ 2, Khu phố 6, phường T, thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh B; giữa bà Phạm Thị H và ông Kiên Oanh N thỏa thuận Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Phạm Thị H và ông Kiên Oanh N có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Kiên Oanh N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Bà Phạm Thị H và ông Kiên Oanh N thống nhất cho rằng giữa bà H và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà H và ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn và không còn sống chung với nhau đã lâu. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Bà H và ông N không tìm ra được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông N là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Phạm Thị H và ông Kiên Oanh N có 01 con chung tên Kiên Thị Yến N, sinh ngày 21/7/2008. Bà Phạm Thị H và ông Kiên Oanh N thống nhất giao cháu N cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông N không phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Kiên Oanh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với ông Kiên Oanh N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Kiên Oanh N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Kiên Thị Yến N, sinh ngày 21/7/2008 cho bà Phạm Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Kiên Oanh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phạm Thị H và ông Kiên Oanh N đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Kiên Oanh N không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000928 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thế Chính